

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN MĨ THUẬT

(Dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018)

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC.....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	4
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	4
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	6
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	13
LỚP 1.....	15
LỚP 2.....	17
LỚP 3.....	20
LỚP 4.....	22
LỚP 5.....	24
LỚP 6.....	26
LỚP 8.....	32
LỚP 9.....	35
LỚP 10.....	38
LỚP 11.....	46
LỚP 12.....	52
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	58
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	60
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	62
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	68

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Mĩ thuật là loại hình nghệ thuật thị giác, trong đó nghệ sĩ dùng hình ảnh thị giác để thể hiện cảm xúc, khám phá bản thân và thế giới xung quanh, giao tiếp với con người và xã hội. Ngôn ngữ mỹ thuật mang tính phổ quát và được xem là một trong những phương tiện để ghi chép, mô tả, tái hiện lịch sử; phản ánh văn hoá, xã hội, tìm hiểu quá khứ, hiện tại và sáng tạo tương lai.

Chương trình môn Mỹ thuật trong giáo dục phổ thông nhằm bồi dưỡng, phát triển ở học sinh năng lực thẩm mỹ với các năng lực thành phần đặc thù của môn học như: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ; giáo dục ý thức kế thừa, phát huy văn hoá nghệ thuật dân tộc phù hợp với sự phát triển và biến đổi của thời đại.

Thiết kế Chương trình môn Mỹ thuật kết hợp cấu trúc tuyến tính với cấu trúc đồng tâm, mở rộng mạch kiến thức, kỹ năng thông qua thực hành và thảo luận ở các nội dung mỹ thuật tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm và vận dụng mỹ thuật vào đời sống thực tế; giúp học sinh nhận thức được mối liên hệ giữa mỹ thuật với đời sống văn hoá xã hội, kết nối mỹ thuật với các môn học và hoạt động giáo dục khác; tạo cơ sở cho học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai, cũng như chủ động tham gia các hoạt động văn hoá nghệ thuật và hội nhập đời sống xã hội.

Trong chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật được phân chia thành hai giai đoạn:

– Giai đoạn giáo dục cơ bản:

Mỹ thuật là môn học bắt buộc. Nội dung chương trình được thiết kế theo hướng tích hợp, lồng ghép thực hành nghệ thuật và thảo luận nghệ thuật, nhằm hình thành và phát triển ở học sinh khả năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thế giới, khả năng đọc, hiểu thông tin thị giác, biết cảm nhận giá trị thẩm mỹ của tác phẩm, sản phẩm, di sản mỹ thuật.

– Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp:

Mỹ thuật là môn học tự chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung chương trình được thiết kế mở rộng thành các học phần, nhằm phát triển kiến thức, kỹ năng đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản; đồng thời, tạo cơ hội cho học sinh được tiếp cận các nhóm ngành liên quan đến nghệ thuật thị giác; giúp học sinh phát triển tư duy độc lập, khả năng phản biện và sáng tạo nghệ thuật; hiểu được vai trò và những ứng dụng của mỹ thuật trong đời sống; tạo cơ

sở cho học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân dựa trên nhu cầu thực tế và thích ứng với những biến đổi của xã hội. Bên cạnh nội dung giáo dục cốt lõi, những học sinh có thiên hướng về mỹ thuật, có thể chọn chuyên đề học tập nhằm tăng cường kiến thức, kỹ năng cơ sở tạo hình đáp ứng năng khiếu và sở thích của bản thân.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình môn Mỹ thuật quán triệt các quy định được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, gồm:

a) Định hướng chung cho tất cả các môn học như: quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình; b) Định hướng xây dựng chương trình môn Mỹ thuật.

2. Chương trình môn Mỹ thuật tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận văn hoá, nghệ thuật dân tộc và thế giới trên cơ sở vận dụng những kiến thức cơ bản của nghệ thuật thị giác, kết hợp với khoa học giáo dục. Nội dung dạy học gồm: mỹ thuật tạo hình, mỹ thuật ứng dụng các nội dung này được thực hiện thông qua tích hợp, lồng ghép thảo luận nghệ thuật và thực hành nghệ thuật; đồng thời, được mở rộng theo hướng tiếp cận ngành nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật thị giác ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

3. Chương trình môn Mỹ thuật chọn lọc những kiến thức cốt lõi, thiết thực, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi của học sinh và thực tiễn dạy học. Thông qua định hướng các chủ đề học tập, các thể loại thực hành mỹ thuật, các hình thức tổ chức dạy học đa dạng, chương trình tạo ra độ mềm dẻo, linh hoạt để có thể điều chỉnh phù hợp với các địa phương và các nhóm đối tượng học sinh khác nhau trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu cần đạt và nội dung cốt lõi thống nhất trong cả nước. Trong quá trình thực hiện, Chương trình sẽ tiếp tục phát triển phù hợp với sự tiến bộ của nghệ thuật, cũng như yêu cầu của thực tiễn.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung của chương trình môn Mỹ thuật

Chương trình môn Mỹ thuật góp phần hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thẩm mỹ, cụ thể là các năng lực thành phần: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ, Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, Phân tích và đánh giá thẩm mỹ; bồi dưỡng cho học

sinh ý thức tôn trọng sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, ý thức và khả năng ứng dụng mỹ thuật vào đời sống; trang bị cho học sinh có hiểu biết tương đối tổng quát về những ngành nghề liên quan đến mỹ thuật để định hướng nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông. Thông qua nội dung và phương pháp giáo dục, môn Mỹ thuật góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Mục tiêu của chương trình các cấp học

2.1. Mục tiêu ở cấp tiểu học

Môn Mỹ thuật cấp tiểu học giúp học sinh đạt được các mục tiêu chủ yếu sau: (i) bước đầu hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ; (ii) có kiến thức cơ bản, ban đầu về mỹ thuật dựa trên hoạt động thực hành và thảo luận làm quen các yếu tố, nguyên lí tạo hình ở các lĩnh vực mỹ thuật tạo hình, mỹ thuật ứng dụng (iii) biết biểu đạt cảm xúc, trí tưởng tượng và suy nghĩ, cảm nhận về bản thân và thế giới xung quanh; (iv) biết rung cảm trước các hiện tượng tự nhiên, trước vẻ đẹp của những tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật của Việt Nam và thế giới; (v) có ý thức tìm tòi, khám phá, biết phát hiện, giải quyết vấn đề đơn giản trong học tập và thực tiễn, tập làm đẹp cho bản thân và thế giới xung quanh; (vi) tạo tiền đề cho việc hình thành, phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; các phẩm chất cao đẹp như tình yêu đối với thiên nhiên, con người, yêu quê hương, đất nước; tính chăm chỉ, chuyên cần, trung thực và tinh thần trách nhiệm.

2.2. Mục tiêu ở cấp trung học cơ sở

Môn Mỹ thuật cấp Trung học cơ sở giúp học sinh đạt được các mục tiêu chủ yếu sau: (i) tiếp tục hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ; (ii) có kiến thức, kĩ năng cơ bản về mỹ thuật dựa trên các yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thảo luận và thực hành ở các lĩnh vực mỹ thuật tạo hình, mỹ thuật ứng dụng (iii) biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng, khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo về những giá trị thẩm mỹ cơ bản trong đời sống và xã hội, giá trị thẩm mỹ của các di sản văn hoá, nghệ thuật của Việt Nam và thế giới; (iv) phát triển tư duy độc lập, năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề; ý thức kế thừa và phát huy các giá trị thẩm mỹ tốt đẹp của truyền thống văn hoá, nghệ thuật dân tộc, biết tiếp cận những giá trị thẩm mỹ của thời đại; làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam và những giá phổ quát của

công dân toàn cầu; (v) bước đầu tạo tiền đề cho những hiểu biết về các mối quan hệ của mỹ thuật trong đời sống xã hội, nuôi dưỡng sự đam mê, hứng thú học tập, sáng tạo, có khả năng định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

2.3. Mục tiêu ở cấp trung học phổ thông

Môn Mỹ thuật cấp trung học phổ thông giúp học sinh đạt được các mục tiêu chủ yếu sau: (i) tiếp tục hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ; (ii) có hiểu biết về các ngành nghề trong thực tế đời sống dựa trên những kiến thức, kỹ năng mỹ thuật đã được hình thành, phát triển ở giai đoạn giáo dục cơ bản; (iii) phát triển khả năng tư duy, phản biện, sáng tạo thẩm mỹ và giải quyết vấn đề cụ thể trong học tập gắn với thực tiễn; (iv) phát triển sự hứng thú, đam mê nghệ thuật, nuôi dưỡng khả năng tìm tòi, sáng tạo, ý thức tôn trọng văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc và tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật; (v) có khả năng tham gia các hoạt động văn hoá nghệ thuật, phát triển đời sống thẩm mỹ, cũng như chuẩn bị làm việc trong môi trường nghệ thuật thị giác mà bản thân yêu thích và lựa chọn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất

1.1. Ở cấp tiểu học

Thông qua môn Mỹ thuật, học sinh có được những phẩm chất sau:

- Biết rung cảm trước vẻ đẹp của tự nhiên và đời sống; yêu thích cái đẹp; biết trân trọng, giữ gìn và bảo vệ các di sản văn hoá, nghệ thuật ở quê hương.
- Có cảm xúc trước những tấm gương tốt, người tốt việc tốt, trước những hành động của con người trong đời sống và được biểu hiện trong tác phẩm nghệ thuật; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn và thể hiện thái độ thân thiện với những người xung quanh.
- Có hứng thú với hoạt động học tập, sáng tạo; tích cực chuẩn bị dụng cụ, vật liệu,... để học tập; tham gia và vận động bạn bè, người thân cùng tham gia các hoạt động nghệ thuật phù hợp với sở thích.

– Trung thực trong nhận xét, trao đổi kết quả học tập và thực hành; có ý thức giữ gìn, bảo quản đồ dùng, dụng cụ và vật liệu học tập; có ý thức bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp của công trình, di sản văn hoá, nghệ thuật ở những nơi tham quan và được trải nghiệm.

1.2. Ở cấp trung học cơ sở

Thông qua môn Mĩ thuật, học sinh có được những phẩm chất sau:

– Biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, của các giá trị thẩm mĩ trong thực tế đời sống; yêu mến và tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật của quê hương, đất nước; yêu thích cái đẹp; biết trân trọng, giữ gìn, bảo vệ truyền thống và vẻ đẹp của di sản văn hoá, nghệ thuật ở quê hương, đất nước.

– Biểu lộ cảm xúc trước những tấm gương người tốt, việc tốt, trước những hành động đẹp của con người trong đời sống và biểu hiện trong tác phẩm nghệ thuật; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn và thể hiện sự thân thiện với những người xung quanh; cũng như sử dụng hình ảnh thẩm mĩ để biểu đạt trong sáng tạo mĩ thuật.

– Có hứng thú với hoạt động học tập, sáng tạo, có ý thức tìm hiểu nghề nghiệp; chủ động sưu tầm, chuẩn bị các vật liệu, dụng cụ học tập/sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu của thầy/cô; tham gia các hoạt động nghệ thuật trong và ngoài nhà trường, phù hợp với bản thân, gia đình.

– Trung thực trong nhận xét, thảo luận, thực hành, sáng tạo; biết nhận ra và điều chỉnh hành vi, thái độ chưa phù hợp với thị hiếu thẩm mĩ tốt đẹp của truyền thống văn hoá, nghệ thuật của gia đình, quê hương, đất nước.

– Bảo quản, sử dụng đồ dùng, nguyên liệu tạo hình hợp lí; có ý thức bảo vệ, gìn giữ vẻ đẹp của công trình, di sản văn hoá, nghệ thuật ở những nơi tham quan, hoạt động trải nghiệm; kiên trì thực hiện ý tưởng sáng tạo.

1.3. Ở cấp trung học phổ thông

Thông qua môn Mĩ thuật, học sinh có được những phẩm chất sau:

– Biết yêu thiên nhiên, rung cảm trước các giá trị thẩm mĩ trong thực tế đời sống và ở các lĩnh vực nghề nghiệp, yêu thích cái đẹp, biết trân trọng, giữ gìn, bảo vệ và truyền thông vẻ đẹp của các di sản văn hoá, nghệ thuật ở quê hương, đất nước; biết phản ứng tích cực với cái đẹp, cái chưa đẹp và bảo vệ lẽ phải.

– Biết thể hiện cảm xúc trước những tấm gương người tốt việc tốt, những hành động đẹp của con người trong đời sống và được tái hiện trong tác phẩm nghệ thuật; thể hiện sự cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn và biểu lộ sự thân thiện với những người xung quanh cũng như sử dụng hình ảnh thẩm mỹ để thể hiện trong sáng tạo mỹ thuật.

– Có hứng thú với hoạt động học tập, sáng tạo; có ý thức tìm hiểu nghề nghiệp và khám phá nghệ thuật; có ý chí vượt qua khó khăn và nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghệ thuật; sẵn sàng tham gia, vận động bạn bè/mọi người xung quanh cùng tham gia các hoạt động nghệ thuật phục vụ cộng đồng, xã hội, phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân.

– Trung thực trong nhận xét, thảo luận, thực hành, sáng tạo; biết lắng nghe, sẵn sàng tiếp thu ý kiến của mọi người, của bạn bè trong hoạt động và sáng tạo mỹ thuật; biết nhận ra và tự điều chỉnh những hành vi, thái độ hoặc suy nghĩ và những phản ứng thẩm mỹ trái ngược với truyền thống văn hoá, nghệ thuật tốt đẹp của dân tộc và thời đại.

– Ý thức được khả năng nghệ thuật của bản thân trong việc xác định nghề nghiệp tương lai phù hợp với điều kiện thực tiễn; thể hiện ý thức sử dụng đồ dùng, công cụ, nguyên liệu và các nguồn lực khác trong học tập/sáng tạo một cách hợp lí.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

2.1. Năng lực tự chủ và tự học

Việc học môn Mỹ thuật đòi hỏi học sinh phải có ý thức tự giác cao, chú trọng khả năng làm việc độc lập, hình thành cá tính/phong cách riêng là điều cần thiết trong hoạt động nghệ thuật, biết khẳng định cái tôi/cá nhân trong hoạt động học tập và sáng tạo nghệ thuật, sẵn sàng bảo vệ quan niệm thẩm mỹ của bản thân. Việc học môn Mỹ thuật giúp học sinh hiểu và đánh giá được giá trị thẩm mỹ, giá trị nhân văn phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc và các giá trị của thời đại. Khi học môn Mỹ thuật, học sinh cần biết cách thể hiện và chia sẻ cảm xúc cũng như ý thức được hành vi của cá nhân với cộng đồng; nhận thức được các giá trị thẩm mỹ, có khả năng suy xét và tự điều chỉnh cảm xúc, sẵn sàng thử nghiệm và chấp nhận khó khăn, trở ngại trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Học sinh cũng cần khám phá chính bản thân mình, nhận biết và phát huy năng lực cá nhân, nhằm lựa chọn ngành nghề phù hợp với mình trên cơ sở những hiểu biết về thông tin thị trường, về xu thế của xã hội và thế giới. Học sinh cần đề cao khả năng tự học và tự làm mới mình trong sáng tạo nghệ thuật bằng cách xác lập kế hoạch học tập và chủ động thực hiện kế hoạch đó.

2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

Việc học môn Mĩ thuật đòi hỏi học sinh phải có kĩ năng trao đổi, thảo luận về quan điểm thẩm mĩ. Học sinh cần biết vận dụng ngôn ngữ tạo hình để biểu đạt những ý tưởng mới bằng hình ảnh thị giác thẩm mĩ (giao tiếp thông qua hình ảnh) cũng như bình luận, đánh giá, phản hồi các vấn đề thẩm mĩ. Bên cạnh đó, học sinh cần xác lập và duy trì các mối quan hệ giữa việc học tập và hoạt động sáng tạo, giữa cá tính và văn hoá cộng đồng. Học sinh cũng cần phải chủ động đề xuất giải pháp để giải quyết các vấn đề trong học tập và hoạt động mĩ thuật, biết phối hợp và có đóng góp cho hoạt động nghệ thuật chung của tập thể; ý thức được trách nhiệm, vai trò của bản thân trong bước đầu lao động nghệ thuật; cảm nhận và chia sẻ với mọi người về nghệ thuật, nắm bắt nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của người khác; có khả năng tổ chức và dẫn dắt các hoạt động mĩ thuật trong hoạt động nhóm, tập thể, thuyết phục người khác bằng sự nỗ lực và thành quả học tập của chính mình; biết tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động mĩ thuật, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho những hoạt động hợp tác tiếp theo.

2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Đối với việc học môn Mĩ thuật, những ý tưởng mới mang tính sáng tạo luôn được đề cao. Học sinh cần biết phát hiện và nhận thức được cái mới, cái độc đáo trong quá trình thực hành, sáng tạo. Học sinh cần phải biết phân tích và triển khai được những sáng kiến trong quá trình học tập và hoàn thiện sản phẩm mĩ thuật; xác định được giải pháp và phương án tốt nhất cho việc hoàn thiện ý tưởng thông qua sự thử nghiệm, sáng tạo và hoạt động thực tiễn. Học sinh cần có khả năng đánh giá và vận dụng những giải pháp mới trong những hoạt động học tập tiếp theo; đồng thời, cần phát huy tính phản biện bằng cách đặt câu hỏi dựa trên cơ sở tư duy độc lập, tạo tiền đề cho những phát hiện mới, cho những ý tưởng khác và thực hiện thử nghiệm sáng tạo.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mĩ

Cấp học Năng lực	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1. Quan sát và nhận thức thẩm mĩ			
1.1. Tìm hiểu và	– Sử dụng được các giác quan	– Kết hợp được các giác quan để	– Phối hợp sử dụng được các giác

Cấp học Năng lực	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
phát hiện vấn đề thẩm mỹ	<p>để khám phá đối tượng thẩm mỹ.</p> <p>– Phát hiện và nhận biết các yếu tố và nguyên lí tạo hình cơ bản trong các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và xung quanh.</p>	<p>khám phá đối tượng thẩm mỹ.</p> <p>– Phát hiện và nhận biết được giá trị thẩm mỹ cơ bản trong các sản phẩm, tác phẩm của các nền văn hoá, nghệ thuật trong nước và trên thế giới.</p>	<p>quan để khám phá đối tượng thẩm mỹ.</p> <p>– Phát hiện và ghi nhận được các vấn đề thẩm mỹ thông qua tiếp cận các ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác.</p>
1.2. Cảm nhận, liên tưởng thẩm mỹ	<p>– Có cảm quan và liên hệ các yếu tố, nguyên lí tạo hình trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật với thiên nhiên và cuộc sống xung quanh.</p>	<p>– Có cảm quan và biết liên hệ các giá trị thẩm mỹ trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật thuộc các nền văn hoá, nghệ thuật trong nước và trên thế giới với ý tưởng sáng tạo.</p>	<p>– Có cảm quan và liên hệ được các vấn đề thẩm mỹ ở các lĩnh vực ngành nghề với mỹ thuật, hình thành định hướng nghề nghiệp trong tương lai.</p>
1.3. Nhận biết yếu tố thẩm mỹ	<p>– Nhận biết được các yếu tố, nguyên lí tạo hình thông qua hình ảnh trực quan.</p>	<p>– Nhận biết và hiểu được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của Việt Nam và trên thế giới.</p>	<p>– Nhận biết và hiểu được giá trị thẩm mỹ đặc trưng của các ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác trong đời sống thực tiễn.</p>
2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ			
2.1. Mô phỏng, thể hiện và giao tiếp thẩm mỹ	<p>– Mô phỏng được các yếu tố và nguyên lí tạo hình theo cảm nhận.</p>	<p>– Mô tả và diễn đạt được các vấn đề thẩm mỹ thông qua tìm hiểu, trải nghiệm với các sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật của Việt Nam và trên thế giới.</p>	<p>– Mô tả và diễn đạt được các vấn đề thẩm mỹ trong các thể loại nghệ thuật thông qua các ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác.</p>

Cấp học Năng lực	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
2.2. Hình thành và thể nghiệm ý tưởng thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> – Hình thành tư duy thẩm mỹ – Có khả năng học hỏi kinh nghiệm từ tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật đã có. 	<ul style="list-style-type: none"> – Hình thành ý tưởng sáng tạo và lập kế hoạch thực hiện. – Hình thành, phát triển tư duy thẩm mỹ, triển khai thực hành hoạt động nghệ thuật trong mối quan hệ tương tác với các thành tựu mỹ thuật của Việt Nam và trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> – Hình thành ý tưởng sáng tạo và lập kế hoạch thực hiện. – Hình thành, phát triển tư duy thẩm mỹ, triển khai thực hành các thể loại nghệ thuật thông qua tiếp cận các ngành nghề nghiệp liên quan đến nghệ thuật thị giác.
2.3. Đề xuất, triển khai giải pháp, vận dụng và giải quyết vấn đề thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng yếu tố, nguyên lí tạo hình để thực hành, biểu đạt đối tượng thẩm mỹ – Có ý tưởng sử dụng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật để phát triển đời sống thẩm mỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hành, sáng tạo, biết liên hệ những phong cách nghệ thuật, những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật của Việt Nam và trên thế giới. – Có ý tưởng sử dụng các sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật để phát triển đời sống văn hoá thẩm mỹ. – Có khả năng sử dụng phương tiện công nghệ để thể nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết thể hiện khả năng sáng tạo, thực hành các vấn đề thẩm mỹ trong tiếp cận và ứng dụng nghề nghiệp. – Biết cách ứng dụng nghệ thuật trong đời sống thực tiễn theo đặc trưng ngành nghề. – Vận dụng được phương tiện công nghệ vào hoạt động sáng tạo nghệ thuật.
3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ			
3.1. Cảm thụ, chia sẻ thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> – Cảm nhận, trao đổi nội dung thể hiện trong thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> – Cảm nhận, trao đổi các vấn đề thẩm mỹ thông qua thực hành, sáng tạo và tìm hiểu, khám phá các phong cách, giá trị thẩm mỹ từ những tác 	<ul style="list-style-type: none"> – Cảm nhận, thảo luận các vấn đề thẩm mỹ trong thực hành, sáng tạo thông qua tiếp cận nghề nghiệp liên quan đến nghệ thuật thị giác.

Cấp học Năng lực	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
		phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá, nghệ thuật của Việt Nam và thế giới.	
3.2. Phân tích và phản biện vấn đề thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét và chia sẻ cảm thụ thẩm mỹ trong thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật. – Có khả năng nhận biết và phân biệt các hiện tượng thẩm mỹ xung quanh đời sống. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét và phản hồi thông tin về các vấn đề thẩm mỹ trong hoạt động thảo luận và thực hành, thể nghiệm, sáng tạo. – Phân tích giá trị thẩm mỹ, phong cách nghệ thuật thông qua các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá, nghệ thuật của Việt Nam và thế giới. – Bước đầu hiểu được quan hệ giữa mỹ thuật với các lĩnh vực khác trong đời sống thực tiễn. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét và phản hồi thông tin về các vấn đề thẩm mỹ trong hoạt động thảo luận và thực hành, thể nghiệm, sáng tạo thông qua các thể loại nghệ thuật và tiếp cận các ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Có khả năng hình thành quan điểm cá nhân trong việc phân tích và phản biện nghệ thuật.
3.3. Nhận định và đánh giá thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> – Có khả năng nhận biết được phương pháp sử dụng yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thảo luận nghệ thuật. – Có khả năng học hỏi kinh nghiệm trong thực hành và thảo luận nghệ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết đánh giá, tác động của thị giác đến các vấn đề thẩm mỹ thông qua việc vận dụng mối quan hệ của các yếu tố và nguyên lí tạo hình trong các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. – Có khả năng học hỏi và đánh giá các giá trị thẩm mỹ, phong cách nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá, so sánh, bình luận được tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật. – Đánh giá, nhận định được các vấn đề thẩm mỹ thông qua các thể loại nghệ thuật và lĩnh vực ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; biết xác lập mục tiêu nghề

Cấp học Năng lực	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
		thuật trong các tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá, nghệ thuật của Việt Nam và thế giới.	nghệ.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Nội dung cốt lõi

NỘI DUNG DẠY HỌC		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Mỹ thuật tạo hình													
	– Thực hành	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
	– Thảo luận	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Mỹ thuật ứng dụng													
Thủ công	– Thực hành	√	√	√	√	√							
	– Thảo luận	√	√	√	√	√							
Thiết kế	– Thực hành						√	√	√	√	√	√	√
	– Thảo luận						√	√	√	√	√	√	√

1.2. Chuyên đề học tập

Chuyên đề học tập ở cấp trung học phổ thông được thiết kế dành cho những học sinh yêu thích và có thiên hướng mỹ thuật nhằm trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng về cơ sở tạo hình, là những kiến thức, kỹ năng cơ sở cho tất cả các ngành nghệ thuật thị giác.

Mỗi năm học (lớp 10, lớp 11, lớp 12), học sinh được học 3 chuyên đề với tổng thời lượng là 35 tiết.

Nội dung cụ thể của các chuyên đề như sau:

Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề thực hành vẽ nghiên cứu mẫu 1	√		
Chuyên đề thực hành vẽ nghiên cứu mẫu 2	√		
Chuyên đề thực hành vẽ nghiên cứu mẫu 3		√	
Chuyên đề thực hành vẽ nghiên cứu mẫu 4		√	
Chuyên đề thực hành vẽ nghiên cứu mẫu 5			√
Chuyên đề thực hành vẽ nghiên cứu mẫu 6			√
Chuyên đề thực hành vẽ tranh cơ bản 1	√		
Chuyên đề thực hành vẽ tranh cơ bản 2		√	
Chuyên đề thực hành vẽ tranh cơ bản 3			√

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bước đầu nhận biết được mỹ thuật là gì? – Nhận biết được một số đồ dùng, công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết và đọc được tên một số màu sắc trên đối tượng thẩm mỹ. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết sử dụng hình ảnh để thể hiện bản thân và thế giới xung quanh. – Tạo được đường nét có kích thước khác nhau. – Tạo được hình, khối có dạng cơ bản. – Biết sử dụng vật liệu sẵn có để tạo nên sản phẩm. – Sắp xếp được vị trí trước, sau cho các hình ảnh ở sản phẩm cá nhân, nhóm. – Sử dụng được màu sắc để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết và thể hiện được dấu hiệu cân bằng, tương phản ở sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặt được tên sản phẩm; biết chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. – Biết mô tả được hình ảnh, màu sắc ở tác phẩm cụ thể (của họa sỹ hoặc người khác và bạn bè). 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>-Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình</p> <p>Cân bằng tương phản</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	4. Định hướng chủ đề – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được hình dạng một số sản phẩm thủ công trong giới hạn chủ đề. – Biết được một số công cụ và vật liệu để tạo nên sản phẩm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản. – Thực hiện được thứ tự các bước/thao tác để làm sản phẩm. – Vận dụng được nét, màu để trang trí sản phẩm. – Vận dụng được vật liệu có màu sắc khác nhau để làm nên sản phẩm. – Biết sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu. – Bước đầu tạo được dấu hiệu cân bằng tương phản ở sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết phối hợp cùng bạn bè trưng bày sản phẩm. – Bày tỏ được cảm nhận cá nhân về sản phẩm. – Có khả năng chia sẻ được ý định sử dụng sản phẩm (để làm gì?). 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình – Cân bằng, tương phản</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thủ công 2D. – Tạo sản phẩm thủ công 3D.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<p>3.2. Thảo luận – Tìm hiểu sản phẩm thủ công.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sản phẩm thủ công của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ chơi, đồ dùng học tập.

LỚP 2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ. – Nhận biết được dấu hiệu tương phản, nhịp điệu ở đối tượng thẩm mỹ. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo được sản phẩm mô phỏng khái lược đối tượng thẩm mỹ. – Tạo được nét, hình, khối bằng các hình thức khác nhau. – Vận dụng được các màu cơ bản, màu theo ý thích để biểu đạt cảm xúc. – Bước đầu tạo được cảm giác cấu trúc bề mặt chất liệu ở sản phẩm như nhấp nhô, bằng phẳng,.... – Tạo được khoảng cách khác nhau cho các yếu tố tạo hình. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> –Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian. <p>1.2. Nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhắc lại, xen kẽNhịp điệu. <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Tạo được sự nhắc lại, xen kẽ có tính nhịp điệu ở sản phẩm. – Sử dụng được các vật liệu đơn giản, khác nhau để tạo hình. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết giới thiệu sản phẩm: tên sản phẩm, nội dung thể hiện... – Trao đổi, chia sẻ được cảm nhận trực giác về tác phẩm, di sản mỹ thuật trong giới hạn chủ đề. – Có khả năng chỉ ra được chi tiết muốn điều chỉnh hoặc bổ sung ở sản phẩm. 	<p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận ra được hình dạng của một số sản phẩm thủ công, nói được công dụng chính của chúng. – Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thể hiện. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được thứ tự các công đoạn làm sản phẩm. – Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản. – Vận dụng được màu sắc của vật liệu để tạo màu cho sản phẩm. – Vận dụng được chất liệu khác nhau của vật liệu để làm sản phẩm, 	<p>1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lý tạo hình</p> <p>Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu</p> <p>2. Thể loại</p> <p><i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>– Biết vận dụng tính chất nhắc lại, xen kẽ có tính , nhịp điệu ở sản phẩm.</p> <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <p>– Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học.</p> <p>– Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng ở đâu? Dùng để làm gì? Dùng như thế nào? về sản phẩm cá nhân hoặc nhóm.</p>	<p>– Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo.</p> <p>– Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành</p> <p>– Tạo sản phẩm thủ công 2D.</p> <p>– Tạo sản phẩm thủ công 2D.</p> <p>3.2. Thảo luận</p> <p>– Tìm hiểu sản phẩm thủ công.</p> <p>– Sản phẩm thủ công của học sinh.</p> <p>4. Định hướng chủ đề</p> <p>– Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân.</p>

LỚP 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết được cách tạo màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó. – Nhận ra được đặc điểm của các yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được yếu tố tạo hình để biểu đạt cảm nhận của bản thân về thế giới xung quanh. – Biết sử dụng yếu tố tạo hình làm trọng tâm ở sản phẩm. – Biết sắp xếp hình ảnh tạo khoảng cách không gian xa gần ở sản phẩm – Tạo được cảm giác khác nhau về cấu trúc bề mặt chất liệu ở sản phẩm như: mịn, thô, cứng, mềm... – Phân biệt được màu cơ bản, màu thứ cấp trong thực hành, sáng tạo. – Hình thành được một số kỹ năng sử dụng công cụ tạo hình đơn giản. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chủ động trưng bày, giới thiệu sản phẩm; chia sẻ ý định sử dụng: ở đâu, cho ai?... – Biết tự đánh giá hoạt động thảo luận và thực hành, sáng tạo. – Biết sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật, ví dụ: quan sát, mô tả, trao đổi, biểu đạt... 	<p>1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Nét; Hình; Khô; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lý tạo hình Nhấn mạnh, Chuyển động.</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được một số thao tác/công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm. – Phát hiện được chi tiết ẩn tượng ở đối tượng thẩm mỹ. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Làm được sản phẩm có sự liên kết của hình, khối. – Vận dụng được đường nét và màu sắc để tạo ẩn tượng cho sản phẩm. – Vận dụng được vật liệu sẵn có để tạo cảm giác khác nhau trên bề mặt sản phẩm. –Biết phối hợp được một số kỹ năng như: cắt, dán, gấp, xếp, gắn...trong thực hành, sáng tạo <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đề xuất được cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm. – Mô tả được mục đích sử dụng của một vài sản phẩm thủ công hoặc cách sử dụng: Như thế nào? Để làm gì? – Giới thiệu được nghề thủ công ở quê hương hoặc nơi khác. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Nhấn mạnh, Chuyển động.</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thủ công 2D. – Tạo sản phẩm thủ công 3D <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thủ công của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân; đồ lưu niệm.

LỚP 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận ra được mức độ đậm nhạt, kích thước khác nhau của yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ. – Hình thành được ý tưởng sáng tạo dựa trên của bài học. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết sắp xếp các yếu tố tạo hình để mô tả khái quát đối tượng thẩm mỹ.. – Tạo được mật độ khác nhau của chấm, của nét trong thực hành, sáng tạo – Tạo được sự liên kết của các hình, khối ở sản phẩm. – Vận dụng được sự khác nhau của vật liệu, chất liệu để tạo cảm giác về cấu trúc bề mặt như: lồi lõm; gồ ghề, nhẵn bóng... – Vận dụng được sắc thái của màu nóng, màu lạnh để biểu đạt không gian. – Phối hợp được các kĩ năng vẽ, cắt, xé, dán, in, ghép, nặn... trong thực hành, sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết liên hệ kiến thức Tiếng Việt hoặc Lịch sử, Địa lí,... trong cảm thụ thẩm mỹ. – Biết cách trình bày, giới thiệu sản phẩm cá nhân, nhóm thông qua ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng bối cảnh... 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Đậm nhạt, Tỷ lệ.</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Bước đầu biết phân biệt được tác phẩm mỹ thuật ở các thể loại hội họa, đồ họa tranh in, điêu khắc. 	<ul style="list-style-type: none"> – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được cấu trúc hình dạng, công dụng của một số sản phẩm thủ công – Bước đầu biết được một số nghề thủ truyền thống, liên hệ ở quê hương. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Làm được sản phẩm có hình, khối đồng dạng. – Vận dụng được mật độ và khoảng cách của chấm, của nét để trang trí sản phẩm. – Biết sử dụng màu tự thân của vật liệu để tạo nên sản phẩm. – Phối hợp được với bạn bè trong tạo tác sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định và lựa chọn được vị trí trưng bày sản phẩm. – Bước đầu nhận xét được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, tôn trọng ý kiến của bạn bè. – Mô tả được yếu tố tạo hình ở sản phẩm thủ công. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lý tạo hình Đậm nhạt, Tỷ lệ</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thủ công 2D. – Tạo sản phẩm thủ công 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thủ công của học sinh.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	4. Định hướng chủ đề – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng.

LỚP 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được sự sắp xếp các yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ, liên tưởng ý tưởng thể hiện. – Biết xác định được mục đích sáng tạo. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trả lời được các câu hỏi: hình ảnh/chi tiết nào là trọng tâm? hình ảnh/chi tiết nào là hỗ trợ? vật liệu, chất liệu, công cụ... nào sẽ sử dụng để sáng tạo sản phẩm? – Tạo được tổ hợp của chấm, nét và sự biểu đạt hình động cho sản phẩm dạng hình, khối. – Biết lựa chọn, phối hợp được màu sắc của vật liệu để thực hành, sáng tạo. – Tạo được yếu tố không gian xa gần, rộng hẹp ở sản phẩm. – Có khả năng vận dụng được phương tiện công nghệ số vào thực hành sáng tạo. – Biết lựa chọn được công cụ, vật liệu, chất liệu phù hợp với thể loại tạo hình. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Chấm, Nét, Hình, Khối, Màu sắc, Chất cảm, Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Bố cục</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bước đầu giải thích được sự sắp xếp yếu tố tạo hình ở sản phẩm. Tôn trọng ý kiến của bạn bè. – Thảo luận, thống nhất được cách truyền thông sản phẩm. Ví dụ: Phân loại; thuyết trình, đóng kịch/tiểu phẩm, trình chiếu video tự tạo... – Bước đầu phân biệt được đặc điểm cơ bản của sản phẩm, tác phẩm hội họa, đồ họa tranh in và điêu khắc. 	<p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <p>Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước; Thế giới.</p>
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được sự phối hợp của các yếu tố tạo hình ở sản phẩm thủ công mỹ nghệ; liên tưởng thực hành, sáng tạo. – Xác định được chủ đề, mục đích sáng tạo. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Làm được sản phẩm là hình mẫu của đồ thủ công mỹ nghệ. – Biết vận dụng kinh nghiệm thực hành, sáng tạo để làm sản phẩm. – Biết vận dụng được chấm, nét để trang trí sản phẩm. – Biết lựa chọn, phối hợp được các vật liệu khác nhau để làm hoặc mô phỏng sản phẩm. – Biết tạo được chi tiết/hình ảnh chính hoặc màu sắc làm trọng tâm, chi tiết/hình ảnh phụ hoặc màu sắc làm hỗ trợ ở sản phẩm. – Vận dụng được biểu hiện tính chất của một số nguyên lý tạo hình trong tạo tác sản phẩm. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lý tạo hình</p> <p>Bố cục</p> <p>2. Thể loại</p> <p><i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu suu tầm, tái sử dụng. <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết lựa chọn, thực hiện được hoạt động giới thiệu/truyền thông về sản phẩm (ví dụ: trưng bày, bán hàng...). – Tự đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo. – Bước đầu phân biệt được sản phẩm thủ công sản xuất đơn lẻ với sản phẩm thủ công sản xuất hàng loạt. 	<ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thủ công 2D. – Tạo sản phẩm thủ công 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thủ công của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ trang trí nội thất.

LỚP 6

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được chủ đề, chủ điểm, đề tài sáng tạo sản phẩm. – Nhận biết và hiểu được sự sắp xếp của các yếu tố và nguyên lí tạo hình trên tác phẩm nghệ thuật. – Hiểu được các công đoạn của quá trình sáng tạo và những vật dụng cần thiết để thực hiện tác phẩm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết kết hợp, sắp xếp yếu tố tạo hình với nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình</p> <p>Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ.</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội họa

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được nguyên lí cân bằng, đối xứng qua tâm, qua trục, cân bằng lệch của các yếu tố tạo hình vào sáng tạo sản phẩm. – Phân biệt và hiểu được tính tương quan – tính tương phản và mối quan hệ của chúng để vận dụng vào sáng tạo sản phẩm. – Vận dụng được quy luật nhắc lại và xen kẽ của các yếu tố tạo hình vào sáng tạo sản phẩm. – Sử dụng đúng quy cách và phương pháp các loại hoạ phẩm chuyên môn như: chì màu, sáp màu, màu dạ, phấn màu, bột màu, màu nước,... (Mỗi chất liệu nhà sản xuất đều có hướng dẫn cách sử dụng). <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được mối quan hệ của văn học, lịch sử... với mỹ thuật. – Biết đặt ra câu hỏi: Ai? Ở đâu? Khi nào? Cái gì? Tại sao? Như thế nào? trong sáng tạo nghệ thuật và thưởng thức nghệ thuật. – Biết phân tích, đánh giá và bày tỏ quan điểm cá nhân về tác phẩm, sản phẩm trong cùng một chủ đề, chủ điểm, đề tài,... – Nhận thức được vai trò của mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong và ngoài nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1 Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: (<i>Nội dung mở và cập nhật</i>).</p> <p>4.1. Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản nghệ thuật Hoà Bình, Phùng Nguyên, Đông Đậu, Đông Sơn. – Di sản nghệ thuật Sa Huỳnh, Óc Eo. <p>4.2. Thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản nghệ thuật tiền sử và cổ đại phương Tây (nghệ thuật hang động, Ai Cập, Hy Lạp, La Mã...) – Di sản nghệ thuật Nam và Trung Á (Ấn Độ, Tây Tạng...).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được giá trị nghệ thuật và công năng sử dụng của tác phẩm, sản phẩm thiết kế. – Xác định được đối tượng sử dụng; mục đích thiết kế của tác phẩm, sản phẩm. (Ai là người sử dụng/khách hàng?) – Hiểu được các công đoạn cần thiết để thực hiện thiết kế sản phẩm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết khai thác tín hiệu thẩm mỹ trên thương hiệu sản phẩm để thực hành thiết kế. – Vận dụng được tính chất cân bằng đối xứng, cân bằng lệch của chữ, logo,... vào thiết kế tác phẩm, sản phẩm. – Vận dụng được tính chất tương phản, đối lập của hình và nền vào thiết kế, trang trí sản phẩm. – Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ... vào thiết kế sản phẩm. – Biết cải tiến, tái chế, trang trí lại những đồ vật, sản phẩm sẵn có thành sản phẩm mới. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các yếu tố tạo hình và sự sắp xếp của nó trong bài học của chính các em và bạn bè. – Biết tìm hiểu những giá trị thẩm ở sản phẩm thiết kế. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ.</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế ấn phẩm xuất bản – Thiết kế thương mại và quảng cáo – Thiết kế mẫu hàng hoá <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Tạo sản phẩm thiết kế 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thiết kế của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: (<i>Nội dung mở và cập nhật</i>).</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Biết chia sẻ kiến thức, kỹ năng thông qua hoạt động nhóm. – Hiểu được vai trò của truyền thống văn hoá trong thị hiếu tiêu dùng sản phẩm. 	<p>4.1. Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản nghệ thuật Hoà bình, Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Đông Sơn. – Di sản nghệ thuật Sa Huỳnh, Óc Eo. <p>4.2. Thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản nghệ thuật tiền sử và cổ đại phương Tây (nghệ thuật hang động, Ai Cập, Hy Lạp, La Mã...) – Di sản nghệ thuật Nam và Trung Á (Ấn Độ, Tây Tạng...).

LỚP 7

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được mục đích sáng tạo tác phẩm. – Nhận biết được những giá trị nghệ thuật trong thực tiễn đời sống để vận dụng vào sáng tạo tác phẩm Địa điểm các em từng đến; chân dung con người các em từng gặp; nội dung câu chuyện các em từng nghe;... – Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được giá thẩm mỹ từ di sản nghệ thuật vào thực hành sáng tạo. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình</p> <p>Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Nhấn mạnh.</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Mô phỏng lại được “mẫu” đối tượng nghệ thuật đúng trình tự và phương pháp. – Biết kết hợp, sắp xếp nhịp điệu của đường nét, hoa văn, họa tiết,... vào sáng tạo sản phẩm. – Vận dụng được những yếu tố chính, phụ, trung gian,... trong bố cục sản phẩm. – Lựa chọn, kết hợp, sử dụng được các loại vật liệu đơn giản, phổ biến để sáng tạo sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được vai trò của tác phẩm hội họa, đồ họa trong không gian nội thất – Biết đặt câu hỏi và tìm câu trả lời về sự sáng tạo của nghệ sĩ và tác phẩm của họ. – Biết sử dụng thuật ngữ chuyên môn để mô tả, phân tích, viết về nghệ sĩ và tác phẩm của họ,... – Nhận thức và hiểu được mỗi cá nhân nghệ sĩ đều có phong cách riêng, phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó. 	<ul style="list-style-type: none"> – Đồ họa tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1 Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2 Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: Nội dung mở và cập nhật.</p> <p>4.1. Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản mỹ thuật phong kiến Lý, Trần, Lê... – Di sản mỹ thuật tôn giáo Phật giáo, Thiên chúa giáo... <p>4.2. Thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản nghệ thuật phương Tây thời kì Trung đại (Phục Hưng, Baroque,...). – Di sản nghệ thuật Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản...).
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được yêu cầu thẩm mỹ của sản phẩm. – Nhận biết được phong cách chủ đạo và ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong tác phẩm, sản phẩm. – Hiểu được yêu cầu kĩ thuật để tạo nên sản phẩm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết lựa chọn mô típ hình ảnh từ di sản nghệ thuật vào thực hành, thiết kế. – Sao chép, mô phỏng và phát triển được tác phẩm, sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn. – Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, hoạ tiết vào thiết kế, sản phẩm. – Lựa chọn được vật liệu làm yếu tố phụ trợ cho thiết kế và trang trí sản phẩm. – Cải tiến, tái chế được công cụ, phương tiện và vật liệu. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân loại được các tác phẩm, sản phẩm theo loại hình: kiến trúc, thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, tạo dáng công nghiệp,... – Nhận thức được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ. – Hiểu được hình thức tác phẩm/sản phẩm phải phù hợp với nhu cầu sử dụng và thị hiếu thẩm mỹ của công chúng. – Biết phân tích yếu tố thẩm mỹ, giá trị thiết kế ở sản phẩm tiêu dùng công nghiệp. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Nhấn mạnh</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế ấn phẩm xuất bản – Thiết kế thương mại và quảng cáo – Thiết kế mẫu hàng hoá <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Tạo sản phẩm thiết kế 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thiết kế của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: <i>Nội dung mở và cập nhật.</i></p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<p>4.1. Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản mỹ thuật phong kiến (Lý, Trần, Lê...). – Di sản mỹ thuật tôn giáo (Phật giáo, Thiên chúa giáo...). <p>4.2. Thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản nghệ thuật phương Tây thời kì Trung đại (Phục Hưng, Baroque,...). – Di sản nghệ thuật Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản...).

LỚP 8

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của mỹ thuật. – Biết sử dụng tài liệu, kí hoạ, phác thảo,... cho việc thực hiện tác phẩm. – Biết kiểm soát công cụ, phương tiện và vật liệu cần thiết để thực hành, sáng tạo. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết lựa chọn đặc điểm phong cách của một vài nền nghệ thuật vào thực hành, sáng tạo. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình</p> <p>Nhấn mạnh; Chuyển động; Đậm nhạt.</p> <p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Xác định và hiểu được vai trò, vị trí của điểm nhấn trong hội hoạ để vận dụng vào sáng tạo sản phẩm. – Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình trong thực hành sáng tạo. – Xác định được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng trong thực hành sáng tạo. – Biết kết hợp, lắp ghép, tái tạo những đồ vật sẵn có trở thành sản phẩm mới. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được vai trò của nghệ thuật điêu khắc trong công trình kiến trúc. – Hiểu được bút pháp cá nhân, phong cách nghệ thuật thể hiện hình thức của tác phẩm. – Phân tích và so sánh được sự tương đồng và khác biệt của tác phẩm, tác giả trong cùng thời kì, cùng trường phái, cùng phong cách,... – Hiểu được sơ lược về tiểu sử cuộc đời và sự nghiệp của một vài nghệ sĩ nổi tiếng thế giới và Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> – Đồ hoạ tranh in – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: Nội dung mở và cập nhật.</p> <p>4.1. Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác giả, tác phẩm mỹ thuật Hiện đại 1925 – 1975. – Di sản mỹ thuật các dân tộc ít người. <p>4.2. Thế giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số trường phái, trào lưu, phong cách nghệ thuật phương Tây hiện đại (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...). – Di sản nghệ thuật Đông Nam Á (Campuchia, Indonesia, Thái Lan,...)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc hiểu được thông tin hình ảnh trên sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống. – Xác định được công năng và giới hạn của các loại vật liệu tạo nên sản phẩm. – Đưa ra được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chọn lọc được giá trị thẩm mỹ từ thực tiễn đời sống vào thực hành, sáng tạo. – Sử dụng được mô típ hình ảnh làm trọng tâm, điểm nhấn cho sản phẩm. – Vận dụng được phương hướng chuyển động của mô típ hình ảnh để thiết kế sản phẩm. – Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm. – Vận dụng được những phương thức chế tác sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống vào thiết kế sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của tác phẩm, sản phẩm thiết kế. – Phân tích được ý tưởng sáng tạo và mục đích sử dụng của tác phẩm, sản phẩm. – Phân tích và so sánh được sự khác biệt của từng tác phẩm, sản phẩm trong 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Châm; Nét; Hình; Khôi; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Nhấn mạnh; Chuyển động; Đậm nhạt.</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế ấn phẩm xuất bản – Thiết kế thương mại và quảng cáo – Thiết kế mẫu hàng hoá <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Tạo sản phẩm thiết kế 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thiết kế của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: <i>Nội dung mở và cập</i></p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>cùng thể loại, mục đích thiết kế.</p> <p>– Hiểu được tính chất phổ biến của mô típ hình ảnh trong sự phát triển sản phẩm.</p>	<p><i>nhật.</i></p> <p>4.1. Việt Nam</p> <p>– Tác giả, tác phẩm mỹ thuật Hiện đại 1925–1975 (tranh cổ động, minh họa...)</p> <p>– Di sản mỹ thuật các dân tộc ít người (trang phục, đồ dùng,...).</p> <p>4.2. Thế giới:</p> <p>– Một số trường phái, phong cách thiết kế phương Tây hiện đại (Art nouveau, Art Deco, Bauhaus...).</p> <p>– Di sản nghệ thuật Đông Nam Á (Campuchia, Indonesia, Thái Lan,...).</p>

LỚP 9

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <p>– Xác định được khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo.</p> <p>– Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh,...</p> <p>– Biết vận dụng trí tưởng tượng, cảm hứng cá nhân vào quá trình sáng tạo sản phẩm.</p> <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p>	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình</p> <p>Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình</p> <p>Đậm nhạt, Tỷ lệ, Bố cục.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Biết vận dụng thông tin hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành, sáng tạo. – Xác định được nguồn sáng và biết phân tích hệ thống đậm nhạt trên “mẫu” trong thực hành sáng tạo. – Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”. – Biết sắp xếp hình ảnh... (bố cục) trong thực hành, sáng tạo. – Kiểm soát được quá trình thực hành sáng tạo, từ ý tưởng ban đầu đến phác thảo dự kiến và kết quả sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được vai trò của tác phẩm nghệ thuật trong thực tiễn đời sống. – Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò quan trọng của người xem (khán giả/công chúng) trong đánh giá tác phẩm. – Tiếp cận và cập nhật được những trào lưu nghệ thuật đương đại quốc tế. – Nhận thức và hiểu được sự ảnh hưởng của đời sống văn hoá lịch sử, kinh tế chính trị đến mỹ thuật, thông qua hình ảnh trên tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật,... 	<p>2. Thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội hoạ – Đồ hoạ – Điêu khắc <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề: Nội dung mở và cập nhật</p> <p>4.1. Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác giả, tác phẩm mỹ thuật 1975 – 2018. – Di sản mỹ thuật dân gian (tranh dân gian, chạm khắc gỗ đình làng,...). <p>4.2. Thế giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số trường phái, trào lưu, phong cách Nghệ thuật đương đại (Nghệ thuật ý niệm, Pop Art, Graffiti...).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	– Nghệ thuật thổ dân châu Úc, thổ dân châu Phi.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh, thương hiệu” trong tác phẩm, sản phẩm thiết kế. – Hiểu được tác động của quá trình phát triển khoa học kĩ thuật đối với các ngành nghề thiết kế. – Đưa ra được giải pháp, phác thảo, phương án cho thiết kế sản phẩm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cập nhật được giá trị thẩm mỹ của thời đại vào thực hành sáng tạo. – Cân bằng được sắc độ giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế. – Biết lựa chọn, sử dụng chi tiết hình ảnh,... có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm thiết kế. – Hiểu được cấu trúc, nguyên lí của sự sắp xếp hay còn gọi là bố cục trong thiết kế (thông qua thực hành thiết kế sản phẩm). – Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết hoàn thiện sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày, triển lãm và bán hàng. – Xác định được những địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại <i>Lựa chọn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế ấn phẩm xuất bản – Thiết kế thương mại và quảng cáo – Thiết kế mẫu hàng hoá <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Tạo sản phẩm thiết kế 3D. <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Thảo luận, chia sẻ, giới thiệu và truyền thông về tác phẩm, sản phẩm. – Hiểu được sự tác động của Internet toàn cầu đối với thị hiếu công chúng (người tiêu dùng). 	<ul style="list-style-type: none"> – Sản phẩm mỹ thuật của học sinh. 4. Định hướng chủ đề: <i>Nội dung mở và cập nhật</i> 4.1. Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> – Tác giả, tác phẩm, sản phẩm thiết kế 1975 – 2018. – Di sản mỹ thuật dân gian (rối nước, đồ thủ công mỹ nghệ...). 4.2. Thế giới: <ul style="list-style-type: none"> – Một số trường phái, phong cách thiết kế đương đại (phong cách hào nhoáng Kitsch, trường phái hậu hiện đại Post Modern...). – Nghệ thuật thổ dân châu Úc, thổ dân châu Phi (đồ gốm, Boomerang...).

LỚP 10
CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
1. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: HỘI HOẠ	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết được đặc điểm một số thể loại hội hoạ. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối;</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được khả năng biểu đạt của một số chất liệu hội họa. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phác thảo được ý tưởng sáng tạo. – Thể hiện được hình ảnh thẩm mỹ bằng chất liệu hội họa – Thể nghiệm sáng tạo bằng chất liệu tự nhiên, sẵn có. – Biểu đạt được cảm xúc thông qua thực hành sáng tạo. – Tạo được sản phẩm phù hợp với nội dung tư tưởng <p>Phân tích, đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được giá trị thẩm mỹ trong sản phẩm, tác phẩm hội họa – Phân tích được những ưu thế của một số chất liệu hội họa 	<p>Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại</p> <p><i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tranh chất liệu chì, than – Tranh chất liệu màu bột (bột màu tự nhiên, màu poster) – Chất liệu màu nước, mực nho – Sơn dầu, chất liệu tổng hợp <p>3. Quy trình:</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lựa chọn: vẽ chì, than, bột màu, màu tự nhiên, màu nước, mực nho, sơn dầu, chất liệu tổng hợp... <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác phẩm Hội họa.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<p>– Sản phẩm của học sinh</p> <p>4. Định hướng chủ đề</p> <p><i>Lựa chọn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chân dung <ul style="list-style-type: none"> – Tĩnh vật – Phong cảnh – Sinh hoạt
2. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: LỊCH SỬ VÀ PHÊ BÌNH NGHỆ THUẬT	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết được sơ lược về lịch sử mỹ thuật thế giới. – Biết được khái quát về lịch sử mỹ thuật Việt Nam. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết đối chiếu, so sánh, chứng minh những giá trị thẩm mỹ thông qua các di sản, hiện vật mỹ thuật. – Nhận định được yếu tố văn hoá và yếu tố xã hội trong nghệ thuật tạo hình – Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả về di sản, hiện vật mỹ thuật. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trao đổi thảo luận các chuyên đề mỹ thuật. – Xác định được cơ sở thẩm mỹ của các nền văn hoá, nghệ thuật. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lịch sử mỹ thuật. – Lý luận mỹ thuật

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<p>– Phê bình mỹ thuật</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <p>– Tìm hiểu, khai thác di sản, hiện vật, tư liệu mỹ thuật.</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <p>– Di sản, hiện vật, tư liệu mỹ thuật</p> <p>– Bài viết, thuyết trình... của học sinh.</p> <p>4. Định hướng chủ đề</p> <p>4.1. Mỹ thuật thế giới</p> <p>4.2. Mỹ thuật Việt Nam</p>
MỸ THUẬT ỨNG DỤNG	
3. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <p>– Hiểu được khái niệm thiết kế đồ họa, tính chất và đặc điểm của thiết kế đồ họa</p> <p>– Hiểu và nêu được chức năng thẩm mỹ, công năng sử dụng của và vai trò của sản phẩm thiết kế trong đời sống xã hội</p> <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <p>– Vận dụng được kiến thức về hiệu quả thông tin, thẩm mỹ, tương tác xã</p>	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>hội trong thiết kế đồ hoạ.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng và phối hợp được các chất liệu trong thiết kế đồ hoạ – Ứng dụng được các yếu tố tạo hình trong thiết kế đồ hoạ. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tính chất và đặc điểm của chất liệu thiết kế đồ hoạ. – Phân loại được một số thể loại thiết kế đồ hoạ 	<p>động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thiết kế đồ hoạ <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <p>Thiết kế sản phẩm 2D, 3D</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sản phẩm thiết kế đồ hoạ – Sản phẩm thiết của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <p><i>Lựa chọn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Logo, ấn phẩm nhận diện thương hiệu; bao bì hàng hoá, nhãn mác sản phẩm. – Sách, tạp chí, minh hoạ. – Danh thiếp, thiệp mời, bao thư, bì hồ sơ,... – Kiểu dáng sản phẩm.
<p>4. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: NHIẾP ẢNH</p>	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết được một vài thiết bị in, phóng ảnh (máy in phun, máy in laser, máy minilab). – Có hiểu biết sơ lược về lịch sử hình thành và các thể loại nhiếp ảnh. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được máy ảnh (máy cơ, máy tự động hoặc điện thoại di động) – Thực hiện được kĩ thuật chọn khung hình, bố cục. – Xác định được hướng nguồn sáng trong thực hành chụp ảnh <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được hiệu quả của bố cục không gian trong bức ảnh. – Phân tích được một số giá trị thẩm mỹ của tác phẩm nhiếp ảnh. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Nghệ thuật nhiếp ảnh</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Chụp ảnh bằng máy ảnh cơ, máy ảnh số hoặc điện thoại di động.</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác phẩm nhiếp ảnh – Ảnh chụp của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <p><i>Tùy chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ảnh phong cảnh – Ảnh chân dung – Ảnh sinh hoạt – Nhiếp ảnh tư liệu – Nhiếp ảnh báo chí – Nhiếp ảnh quảng cáo...

CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
CHUYÊN ĐỀ 1: THỰC HÀNH VẼ NGHIÊN CỨU MẪU 1 (10 TIẾT)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Quan sát và phân loại được một số khối cơ bản. – Nhận thức biết các đặc điểm và tính chất của các khối cơ bản. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy. – Vận dụng Biết được cách xây dựng hình của các khối cơ bản. – Hiểu được cấu trúc khối trong không gian. – Diễn tả được khối và ánh sáng bằng các thủ pháp vẽ chì. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được mối quan hệ giữa các khối trong không gian. – Đánh giá được bố cục, hình, khối, không gian. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình</p> <p>Vẽ nghiên cứu các khối cơ bản bằng chất liệu chì.</p>
CHUYÊN ĐỀ 2: THỰC HÀNH VẼ NGHIÊN CỨU MẪU 2 (10 TIẾT)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được cấu trúc mặt và sọ đầu người. – Nhận xét được đặc điểm tượng đầu người. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xây dựng được hình cân đối theo trực giác. – Nhận diện được các diện khối được quy chuẩn cho khuôn mặt. – Giải quyết được các chuyển biến của ánh sáng trong không gian. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng, Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Diễn tả được đặc điểm của mẫu tượng. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được hiệu quả kết hợp của hình, khối, ánh sáng trong không gian. – Đánh giá được tầm quan trọng của việc vẽ tượng đầu người 	<p>2. Quy trình</p> <p>Vẽ nghiên cứu tượng đầu người hoặc tĩnh vật bằng chất liệu chì.</p>
<p>CHUYÊN ĐỀ 3: THỰC HÀNH VẼ TRANH CƠ BẢN 1 (15 TIẾT)</p>	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Quan sát và nhận xét được một số tranh bố cục và trang trí tiêu biểu. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được chất liệu chì, màu bột diễn tả hình, nhịp điệu, bố cục, không gian. – Thể hiện được các mối quan hệ giữa các hình và bối cảnh trong tranh vẽ. – Có khả năng xây dựng được bố cục hợp lí và sinh động. – Phân biệt được không gian tả thực và không gian ước lệ trong tranh vẽ. – Ứng dụng được cách phối màu, hoà sắc trong bố cục tranh. – Giải quyết được các nguyên tắc bố cục hình vuông theo phong cách trang trí. – Biết lựa chọn, sử dụng hoạ tiết trang trí phù hợp với nội dung và khuôn khổ. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được một số nguyên tắc cơ bản của trình bày triển lãm. – Có phương pháp tổ chức tiến hành bình luận, trao đổi hiệu quả thể hiện trong tranh vẽ. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét, Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình</p> <p>2.1. Thực hành:</p> <p><i>Lựa chọn một trong số ba bài bố cục sau và một bài trí:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tranh bố cục tự do hình cơ bản chất liệu chì; – Tranh bố cục tự do hình cơ bản chất liệu bột màu; – Tranh bố cục người chất liệu bột màu;

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> – Tranh trang trí hình vuông <p>2.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tranh bố cục và tranh trang trí – Trưng bày triển lãm

LỚP 11
CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
1. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: ĐỒ HOẠ TRANH IN	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết được đặc điểm, tính chất của nghệ thuật đồ họa tranh in. – Hiểu được quy trình khắc, in... <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Làm được phác thảo, bản nét cho tranh in. – Vận dụng được các kĩ thuật in, khắc... trong thực hành, sáng tạo. – Vận dụng được yếu tố tạo hình, đặc điểm chất liệu để biểu đạt ý tưởng. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích, so sánh được tác phẩm đồ họa với cá thể loại hội họa khác. – Hiểu được khả năng ứng dụng của nghệ thuật đồ họa tranh in. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Nghệ thuật đồ họa tranh in</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Làm phác thảo, bản nét, khắc và in. <p>3.2. Thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác phẩm đồ họa tranh in.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	– Sản phẩm của học sinh 4. Định hướng chủ đề <i>Lựa chọn</i> – Chân dung – Tĩnh vật – Phong cảnh – Sinh hoạt
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
2. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: THIẾT KẾ THỜI TRANG	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được khái niệm, tính chất và đặc điểm của nghệ thuật thiết kế thời trang. – Hiểu và nêu được chức năng thẩm mỹ, công năng sử dụng và vai trò của sản phẩm thiết kế thời trang trong đời sống xã hội. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phác thảo được ý tưởng thiết kế sản phẩm thời trang. – Biết ứng dụng thị hiếu thẩm mỹ xã hội trong thiết kế sản phẩm. – Vận dụng và phối hợp được kiến thức thẩm mỹ với các chất liệu trong thực hành sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được thị hiếu thẩm mỹ trong công nghiệp thời trang. – Phân loại được một số thể loại thiết kế thời trang. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Thiết kế thời trang</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Phác thảo, thiết kế, thể nghiệm ý tưởng.</p> <p>3.2. Thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xu hướng, phong cách thiết kế – Sản phẩm của học sinh

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<p>4. Định hướng chủ đề <i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trang phục thường ngày – Đồng phục – Trang phục bảo hộ lao động – Trang phục thể thao...
<p>3. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: THỦ CÔNG MỸ NGHỆ</p>	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết được đặc điểm thẩm mỹ của nghệ thuật gấp, trở, cắt giấy, vải... – Biết được một số xu hướng nghệ thuật gấp giấy, trở giấy trên thế giới. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được một số kĩ thuật của nghệ thuật gấp giấy, trở giấy. – Lựa chọn, kết hợp được đa dạng chất liệu giấy, vải trong thực hành sáng tạo. – Ứng dụng được nghệ thuật gấp giấy, trở giấy, nghệ thuật vải vào thực tiễn đời sống. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân loại được một số loại hình thủ công mỹ nghệ bằng giấy, vải... – Đánh giá được vẻ đẹp của nghệ thuật gấp, trở, cắt giấy, vải... 	<p>. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Thủ công mỹ nghệ</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Gấp, trở, cắt.. đồ giấy, đồ vải...</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sản phẩm thủ công mỹ nghệ bằng chất liệu giấy, vải... – Sản phẩm của học sinh <p>4. Định hướng chủ đề</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> – Nghệ thuật giấy. – Nghệ thuật sách. – Nghệ thuật thủ công bằng vải vụn...
4. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: MINH HOẠ VÀ TRUYỆN TRANH	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số phong cách minh họa và truyện tranh trên thế giới. – Biết được một số công cụ sử dụng trong vẽ minh họa và truyện tranh. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện được thông điệp nội dung đơn giản trên sản phẩm minh họa, truyện tranh. – Hiểu và vận dụng được nguyên tắc diễn hoạt trong vẽ truyện tranh. – Bước đầu xây dựng được nhân vật truyện tranh và bố cục phân cảnh. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được vai trò của minh họa đối với tác phẩm văn học, báo chí... – Biết so sánh hiệu quả của thể loại truyện tranh với một số thể loại minh họa khác. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Minh họa – Truyện tranh <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Vẽ minh họa, vẽ truyện tranh.</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác phẩm minh họa, tác phẩm truyện tranh. – Sản phẩm của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Minh họa sách báo – truyện tranh

CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>CHUYÊN ĐỀ THỰC HÀNH VẼ NGHIÊN CỨU MẪU 3 (10 TIẾT)</p>	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Có cái nhìn khái quát và xác định được trục và khối cơ thể người bán thân. – Tìm được chiều ánh sáng và ánh sáng phản quang tác động lên bức tượng.</p> <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Sắp xếp được bố cục ở bài vẽ nghiên cứu. – Biểu đạt được hình, khối, tỉ lệ, ánh sáng. – Xác định được đặc điểm của hình khối. – Thể hiện được sự chuyển đổi khối và ánh sáng trên mẫu.</p> <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – So sánh và nhận biết được các hiệu quả khác nhau của các kĩ năng biểu khác đạt nhau.</p>	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình 1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian. 1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình – Vẽ nghiên cứu tượng người bán thân bằng chất liệu chì.</p>
<p>CHUYÊN ĐỀ 2: THỰC HÀNH VẼ NGHIÊN CỨU MẪU 4 (10 TIẾT)</p>	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Cảm nhận được hình khối và đặc biệt là quyết định hoà sắc riêng của từng cá nhân.</p> <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Tạo được bố cục hợp lí và biểu cảm cho một tranh tĩnh vật. – Thể hiện được đặc điểm của hình khối các vật mẫu. – Diễn tả được không gian, ánh sáng.</p>	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình 1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian. 1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Tìm được hoà sắc cho bài nghiên cứu. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trao đổi, thảo luận hiệu quả đạt được của các tranh tĩnh vật khác nhau. – Nhận thức biết được các hoà sắc cùng thể hiện một chủ đề. 	<p>2. Quy trình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vẽ nghiên cứu tĩnh vật màu chất liệu màu bột và màu nước.
<p>CHUYÊN ĐỀ 3: THỰC HÀNH VẼ TRANH CƠ BẢN 2 (15 TIẾT)</p>	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận diện và phân loại được tranh bố cục nhóm người và tranh trang trí hình tròn. – Xác định được đặc điểm cơ bản của tranh bố cục nhóm người và hai phong cách thấu thị phương Đông và phương Tây. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo được ý tưởng của bức tranh thông qua bố cục, hình, màu. – Xây dựng được tranh bố cục với nhóm nhân vật có những mối liên hệ về hình thể, động dáng, công việc. – Xử lý được các mối liên hệ về không gian, màu sắc, ánh sáng với môi trường xung quanh. – Vận dụng Biết được các kỹ năng xây dựng bố cục nhiều người. – Hiểu được nguyên tắc xây dựng bố cục hình tròn tính chất trang trí. Biết được mối liên hệ giữa bố cục hình tròn và bố cục hình vuông. – Vận dụng nguyên lý tạo hình để thể hiện các mô típ tự nghiên cứu. – Phát triển được đặc tính của tranh trang trí hình tròn với một số ứng dụng trong cuộc sống. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bố cục nhóm người. – Tranh bố cục trang trí hình tròn. – Trưng bày triển lãm.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được cách huy động, chọn lựa, trưng bày, quảng bá cho triển lãm nghệ thuật. – Dẫn dắt hội thảo, tọa đàm triển lãm nghệ thuật thị giác cho trường và mọi người tham dự. 	

LỚP 12
CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
1. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: ĐIỀU KHẮC	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được yêu cầu và đặc điểm cơ bản của nghệ thuật điêu khắc. – Nhận biết được yếu tố tạo hình đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện được cấu trúc khối trong không gian ba chiều. – Tạo được chất cảm bề mặt cho khối. – Phối hợp được các chất liệu khác nhau thực hành, sáng tạo – Phối hợp được các chất liệu khác nhau trong sản phẩm tượng tròn. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các góc nhìn khác nhau của tác phẩm điêu khắc. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lý tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Nghệ thuật điêu khắc</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Đắp nổi, khoét</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được khả năng ứng dụng của nghệ thuật điêu khắc trong đời sống. 	<p>lồm...</p> <p>3.1. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác phẩm điêu khắc – Sản phẩm của học sinh <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tượng tròn – Phù điêu...
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
2. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: NGHỆ THUẬT GỖM	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết và nêu được khái quát quá trình hình thành, phát triển của nghệ gốm, sứ. – Biết được quy trình sản xuất gốm, sứ. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo được sản phẩm gốm đơn giản bằng chất liệu sẵn có. – Mô phỏng, phát triển được sản phẩm gốm, sứ truyền thống. – Vận dụng được yếu tố tạo hình để trang trí sản phẩm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được một số dòng nghệ thuật gốm, sứ tiêu biểu ở Việt Nam – Phân tích được khả năng ứng dụng của gốm sứ trong đời sống. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khôi; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Nghệ thuật gốm, sứ</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Thử nghiệm sản phẩm gốm, sứ mỹ nghệ. không nhất thiết phải nung hoặc đốt.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	<p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nghệ thuật gốm sứ – Sản phẩm của học sinh. <p>4. Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sản phẩm gốm, sứ
3. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: THIẾT KẾ WEB	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được cấu trúc giao diện của trang web. – Nhận biết được yêu cầu thẩm mỹ của trang web. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết và sử dụng được một số phần mềm ứng dụng đơn giản để thiết kế giao diện của trang web. (Nếu không có điều kiện thì có thể thiết kế thủ công trên giấy). – Bảo đảm cấu trúc thẩm mỹ và nguyên tắc truyền thông ở sản phẩm thiết kế. – Vận dụng được hiệu quả biểu đạt của yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành thiết kế. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của thẩm mỹ đối với truyền thông điện tử. – Phân tích được sự kế thừa của thiết kế đồ họa đối với truyền thông. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lý tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Châm; Nét; Hình; Khôi; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lý tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Thiết kế web</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: Thiết kế giao diện website, nếu có điều kiện thì thực hành trên máy tính.</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giao diện tranh web. – Sản phẩm của học sinh.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	4. Định hướng chủ đề Lựa chọn – Thiết kế website – Thiết kế trang mạng xã hội...
4. HỌC PHẦN LỰA CHỌN: KIẾN TRÚC	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét được đặc điểm của một số phong cách kiến trúc. – Hình thành được ý tưởng thiết kế kiến trúc, liên hệ công năng sử dụng. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mô phỏng được hình, khối, kiến trúc trong không gian. – Sử dụng được yếu tố tạo hình trong trang trí kiến trúc. – Mô phỏng được chất liệu, màu sắc công trình kiến trúc. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và nêu được mối quan hệ giữa mỹ thuật và kiến trúc. – Hiểu được mối quan hệ giữa đời sống kinh tế, chính trị với nghệ thuật kiến trúc. 	<p>. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Thể loại: Nghệ thuật kiến trúc</p> <p>3. Quy trình</p> <p>3.1. Thực hành: <i>Lựa chọn hoặc kết hợp</i> Vẽ, viết, mô phỏng, làm mô hình kiến trúc.</p> <p>3.2. Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản, công trình kiến trúc. – Sản phẩm của học sinh

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	4. Định hướng chủ đề – Kiến trúc dân dụng – Kiến trúc cảnh quan

CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
CHUYÊN ĐỀ 1: THỰC HÀNH VẼ NGHIÊN CỨU MẪU 5 (10 TIẾT)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận định được cấu trúc dáng mẫu. – Xác định trục cơ thể và đặc điểm mẫu. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hình thành, phát triển kỹ năng vẽ tượng. – Nắm được các vấn đề tỉ lệ, hình khối, ánh sáng, chất cảm. – Biểu đạt được yêu cầu về hình và cấu trúc khối. – Sử dụng được các kỹ năng tạo hình để diễn tả hình khối, ánh sáng, màu sắc của mẫu. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thảo luận, chia sẻ kết quả thực hành. – Phân tích, đánh giá được mức độ đạt được qua từng tiêu chí vẽ mẫu tượng (hình dáng, bố cục, đặc điểm,...). 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình</p> <p>Vẽ tượng người toàn thân.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
CHUYÊN ĐỀ 2: THỰC HÀNH VẼ NGHIÊN CỨU MẪU 6 (10 TIẾT)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được một số đặc điểm mẫu (người). – Tạo được ý tưởng hoà sắc phù hợp đối tượng. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tạo được hình, khối trên cơ sở chuyển biến của màu sắc. – Xác định được mối liên hệ giữa màu và ánh sáng, đậm nhạt. – Tạo được hoà sắc phù hợp với tính chất của mẫu. – Thể hiện được cảm xúc thái độ thông qua việc sử dụng hoà sắc. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận định được vai trò của tranh chân dung. – Đánh giá được tầm quan trọng của nghiên cứu chân dung trong mỹ thuật tạo hình. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vẽ nghiên cứu chân dung màu.
CHUYÊN ĐỀ 3: THỰC HÀNH VẼ TRANH CƠ BẢN 3 (15 TIẾT)	
<p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức được cách xây dựng bố cục theo đề tài cụ thể, ví dụ: đề tài về xã hội, văn hoá, khoa học,... – Liên hệ ứng dụng của trang trí đường diềm. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được các yếu tố xã hội trong các bố cục của đề tài. – Tìm và xây dựng được ý tưởng thể hiện. – Học hỏi và áp dụng được những phong cách yêu thích. 	<p>1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình</p> <p>1.1. Yếu tố tạo hình: Chấm; Nét; Hình; Khối; Màu sắc; Chất cảm; Không gian.</p> <p>1.2. Nguyên lí tạo hình: Cân bằng; Tương phản; Nhắc lại, xen kẽ; Nhịp điệu; Chuyển động; Đậm nhạt; Tỷ lệ; Bố cục.</p> <p>2. Quy trình</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được kiến thức bố cục hình vuông, hình tròn vào bố cục và trang trí đường diềm. – Ứng dụng được đặc điểm của bố cục trang trí đường diềm. – Ứng dụng được các mô–tip dân tộc và tự nhiên vào bố cục trang trí đường diềm. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thể nghiệm được quy trình huy động, tổ chức, điều phối triển lãm chuyên đề. – Áp dụng được các phương pháp truyền thông cho triển lãm. – Thực hiện tổ chức chăm và trao giải cho tác phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> – Tranh bố cục đề tài. – Tranh bố cục trang trí đường diềm. – Trưng bày triển lãm.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Yêu cầu cơ bản của phương pháp giáo dục trong Chương trình môn Mỹ thuật là phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo của người học, trong đó đáng chú ý nhất là những đặc điểm sau:

- Tích hợp, lồng ghép lí thuyết, thực hành và thảo luận nghệ thuật; chú trọng tổ chức, định hướng các hoạt động học tập, thực hành, sáng tạo thông qua trải nghiệm đa giác quan, đa dạng không gian và hình thức hoạt động học tập (trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường; học cá nhân, học nhóm, tọa đàm, chơi trò chơi,...).

- Kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ, huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh; kết hợp liên hệ, kiến thức, kĩ năng của môn học với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động giáo dục khác và những vấn đề gắn với thực tiễn (ở địa phương, trong cuộc sống,...) một cách phù hợp, thiết thực; tạo cơ hội để học sinh được vận dụng kiến thức, kĩ năng cũng như đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống.

- Phát triển khả năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, phân tích, phản biện thẩm mỹ; tăng cường vận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương, vật liệu sưu tầm, tái sử dụng; phối hợp sử dụng các công cụ, phương tiện học tập với việc khai thác, sử dụng thiết bị công nghệ, nguồn Internet một cách phù hợp trong tiến trình dạy học, giáo dục.

2. Định hướng dạy học phát triển năng lực thẩm mỹ

2.1. Dạy học phát triển năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ

Quan sát được xem là năng lực thị giác, là cách để học sinh khám phá cuộc sống, môi trường xung quanh cũng như trong nghệ thuật. Khi xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học, cần tạo cơ hội để học sinh được quan sát, nhận thức về đối tượng (tranh, ảnh, vật mẫu, đồ dùng, sự vật, hiện tượng, thiên nhiên, con người, mô hình,... ở các hình ảnh trực quan, trong thực tế đời sống và môi trường xung quanh) dựa trên phương pháp quan sát từ bao quát/tổng thể đến chi tiết/bộ phận và đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng hoặc vấn đề thẩm mỹ. Tùy theo nội dung, mục đích dạy học và tâm lý lứa tuổi, khả năng nhận thức của học sinh mà cần đặt ra các yêu cầu về việc quan sát một cách phù hợp. Đồng thời, để tổ chức, hướng dẫn học sinh quan sát, nhận thức, cần ~~sử dụng~~ kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học khác nhằm thúc đẩy, và phát triển ở học sinh ý thức tìm tòi, khám phá, khả năng phản ứng và ~~tư duy~~, nhận diện hình ảnh thẩm mỹ, kích thích tư duy, khả năng ghi nhớ, và vận dụng tri thức để hình thành ý tưởng thẩm mỹ quan sát, nhận thức cần được liên hệ với các hoạt động thực hành sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ cũng như thảo luận, ~~việc~~ phân tích, đánh giá thẩm mỹ trong tiến trình dạy học và vận dụng vào thực tiễn.

2.2. Dạy học phát triển năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ

Dạy học phát triển năng lực sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ là cách hướng dẫn học sinh thực hiện mô phỏng, thể nghiệm và sáng tạo hình ảnh để giao tiếp, biểu đạt, thể hiện nhận thức thẩm mỹ thông qua sự quan sát, trải nghiệm và trí nhớ kết hợp với liên tưởng, tưởng tượng. Do vậy, trong tổ chức hoạt động dạy học, cần xem xét các yếu tố kích thích khả năng sáng tạo của học sinh như các kênh học tập (đa giác quan), phong cách học tập (học toàn diện, học theo thứ tự, học linh hoạt), môi trường và phương thức học tập (học xuất phát từ những điều đã biết, học đi đôi với hành, phát triển chủ đề/nội dung/ý tưởng qua sơ đồ tư duy, thảo luận, giải quyết vấn đề, học trong lớp, học ngoài lớp, học tích hợp, học theo dự án,...). Đồng thời, cần khuyến khích học sinh thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Mặt khác, cần có những hướng dẫn cụ thể để học sinh chủ động chuẩn bị sẵn sàng cho việc học tập, sáng tạo một cách phù hợp (điều kiện, nội dung, môi trường học tập, lứa tuổi,...), nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, tạo hứng thú, thúc đẩy sự hứng khởi ở học sinh. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong thực hành sáng tạo cần kết hợp với thảo luận nghệ thuật, phát triển năng lực quan sát, nhận thức, khả năng phân tích, đánh giá thẩm mỹ của học sinh trong tiến ~~quá~~-trình thực hiện.

2.3. *Dạy học phát triển năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ*

Dạy học phát triển năng lực phân tích, đánh giá thẩm mỹ là cách tổ chức hoạt động học tập để học sinh được bày tỏ khả năng cảm thụ thẩm mỹ, phát triển kinh nghiệm, kỹ năng và nhận thức thẩm mỹ thông qua việc trao đổi, thảo luận, chia sẻ, phân tích, phản biện và nhận định, đánh giá vấn đề, đánh giá giải pháp thể hiện các giá trị yếu tố thẩm mỹ trong quá trình học tập, sáng tạo. Vì vậy, khi tổ chức dạy học, giáo viên cần kích thích hứng thú học tập của học sinh thông qua sử dụng hệ thống các câu hỏi (Ai? Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?...); vận dụng các phương pháp tiếp cận và khám phá nghệ thuật khác nhau (thảo luận, nêu vấn đề, biểu đạt, tái hiện, sử dụng ngôn ngữ nói/thuyết minh, viết, sử dụng thiết bị công nghệ, nguồn Internet,...); sử dụng các câu chuyện, giai thoại nghệ thuật liên quan đến tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá, nghệ thuật (lịch sử, truyền thống văn hoá, bối cảnh xã hội,...); xem xét mối liên hệ giữa kiến thức và kỹ năng, giữa ý tưởng và chất liệu, giữa đặc trưng các hình thức, thể loại mỹ thuật (yếu tố tạo hình, nguyên lý tạo hình, hình thức/thể loại 2D, 3D,...); quan tâm đến sự khác biệt và sự đa dạng về văn hoá, giới tính, sắc tộc, đặc điểm vùng miền, thời đại,... Các yếu tố này cần được cân nhắc, xem xét theo các mức độ phù hợp với từng lứa tuổi học sinh và điều kiện dạy học thực tiễn; đồng thời, cần chú ý đến mối liên hệ và tương tác giữa các thành phần năng lực khác nhau của năng lực thẩm mỹ trong toàn bộ tiến trình giáo dục.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Đánh giá kết quả học tập là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi học sinh theo yêu cầu của môn học đã được quy định trong chương trình, tìm ra những nguyên nhân, dự đoán được những năng lực phát triển còn tiềm ẩn ở học sinh. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của quá trình dạy học, là hoạt động vừa thu thập các thông tin về chất lượng học tập, vừa tạo ra các cơ hội và thúc đẩy quá trình học tập của học sinh.

2. Nguyên tắc đánh giá là toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; đánh giá cả kiến thức và kỹ năng thực hành, thảo luận nghệ thuật; kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết vì sự tiến bộ của học sinh, làm cho học sinh có hứng thú học tập, phát triển năng lực nhận thức và sáng tạo thẩm mỹ; tạo điều kiện và khuyến khích học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Bên cạnh đó, đánh giá cần quan tâm đến những học sinh có sự khác biệt so với các học sinh khác về tâm lý, sở thích, khả năng của bản thân, điều kiện tối thiểu để học tập mỹ thuật,... nhằm khuyến khích, động viên mọi học sinh hứng thú học tập, sáng tạo.

3. Trong nội dung đánh giá, bên cạnh kết quả và ý thức học tập, cần coi trọng đánh giá ý tưởng sáng tạo, kỹ năng vận dụng các yếu tố, nguyên lý tạo hình; khả năng lựa chọn, sử dụng vật liệu và các công cụ, phương tiện học tập trong các hoạt động thực hành, sáng tạo, giải quyết vấn đề và vận dụng ý tưởng, kết quả sáng tạo vào thực tiễn; khả năng thể hiện các năng lực chuyên môn khác như: ngôn ngữ (nói, viết); hiểu biết tự nhiên và xã hội; tính toán; tin học; công nghệ... và thể chất.

4. Cần đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá: Khi đánh giá cần kết hợp phương pháp định tính và phương pháp định lượng; đánh giá các sản phẩm cá nhân, nhóm; đánh giá các hoạt động quan sát, thực hành, nhận xét, viết cảm nhận, ghi chép, tự luận, dự án nhỏ, hồ sơ học tập; đánh giá trải nghiệm, khám phá, khả năng báo cáo, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm, chia sẻ ý tưởng; đánh giá các hoạt động giao tiếp, hợp tác, tham gia các hoạt động nghệ thuật trong và ngoài nhà trường,...

5. Để đánh giá các năng lực của học sinh, cần lưu ý đến việc thiết kế, tổ chức các tình huống, khả năng xuất hiện các vấn đề cần giải quyết, để người học bộc lộ, thể hiện năng lực của mình. Cần xem xét điều kiện của nhà trường để tạo cơ hội lựa chọn và đưa ra quy mô đánh giá một cách đa dạng (trong nhóm, toàn lớp, toàn trường,...); đồng thời, cần lưu ý lựa chọn các phương pháp, công cụ phù hợp vì mỗi năng lực cụ thể sẽ có những phương pháp, công cụ có ưu thế được dùng để vận dụng vào việc đánh giá. Cụ thể như sau:

– Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Có thể sử dụng các phương pháp quan sát, nêu và giải quyết vấn đề vấn đáp gợi mở, tổ chức trò chơi,... để đánh giá khả năng khám phá, tìm hiểu, phát hiện vấn đề; khả năng quan sát, tiếp nhận thông tin; khả năng liên tưởng, cảm nhận, phản ứng, giao tiếp, phát biểu, thảo luận,... và thái độ đối với hiện tượng mà học sinh có thể nhìn thấy ở xung quanh.

– Đánh giá năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Có thể sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá như quan sát, ghi chép, nêu vấn đề, trao đổi, thảo luận... trong việc đưa ra ý tưởng sáng tạo, , khả năng lựa chọn và sử dụng các công cụ vật liệu; khả năng vận dụng các yếu tố tạo hình và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo, khả năng hợp tác giải quyết vấn đề học tập và ý tưởng vận dụng thực tiễn...,

– Đánh giá năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Có thể sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá như: thảo luận, quan sát, tổ chức trò chơi, nêu và giải quyết vấn đề, dự án học tập; kỹ thuật khăn phủ bàn, các mảnh ghép, sơ đồ tư duy, KWL, tia chớp, động não,... để đánh giá năng lực cảm thụ và phản ứng thẩm mỹ, năng lực nhận thức và phát triển kỹ năng,

kinh nghiệm sử dụng chất liệu, vật liệu, công cụ...; đánh giá năng lực giao tiếp, thảo luận, áp dụng, phê bình, phát biểu, phản biện thâm mĩ... cũng như khả năng hình thành ý tưởng từ các tác phẩm, sản phẩm, di sản mĩ thuật được quan sát, tìm hiểu và khám phá.

6. Thang đánh giá: Cần kết hợp đánh giá bằng nhận xét (kết quả, năng lực học tập, rèn luyện,... thông qua quá trình); bằng điểm số (áp dụng trong đánh giá quá trình, đánh giá định kì, đánh giá tổng kết ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp); bằng phân loại (áp dụng trong đánh giá định kì, đánh giá tổng kết ở cấp tiểu học, trung học cơ sở). Việc đánh giá cần được vận dụng linh hoạt, phù hợp với những đối tượng học sinh đặc biệt như học sinh có năng khiếu, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn,... nhằm khuyến khích học sinh học tập và phát triển.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng thực hiện chương trình

1.1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)

Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp	Lớp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
35	35	35	35	35	35	35	35	35	70	70	70

Riêng ở cấp THPT, mỗi lớp có thêm 35 tiết/năm cho các chuyên đề học tập tự chọn.

1.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các bộ phận, cụ thể như sau:

a) Ở tiểu học

- Nội dung Mĩ thuật tạo hình: bố trí khoảng 65% tổng thời lượng chương trình.
- Nội dung Mĩ thuật ứng dụng: bố trí khoảng 20% tổng thời lượng chương trình
- Thời lượng còn lại bố trí cho hoạt động ôn tập, kiểm tra (hoặc kết hợp hoạt động trải nghiệm).

b) Ở trung học cơ sở

- Nội dung Mĩ thuật tạo hình: bố trí khoảng 45% tổng thời lượng chương trình.
- Nội dung Mĩ thuật ứng dụng: bố trí khoảng 40% tổng thời lượng chương trình
- Thời lượng còn lại bố trí cho hoạt động ôn tập, kiểm tra (hoặc kết hợp hoạt động trải nghiệm)

c) Ở trung học phổ thông

- Đối với học sinh chọn môn Mĩ thuật.

+ Thời lượng học mỗi Học phần khoảng 17% tổng thời lượng chương trình.

+ Học sinh bắt buộc chọn 02 học phần: Hội hoạ và Đồ hoạ tranh in, tương đương 34% tổng thời lượng chương trình.

+ Học sinh được lựa chọn thêm 03 học phần khác, tương đương khoảng 51% tổng thời lượng chương trình. Như vậy, tổng số học phần bắt buộc và tự chọn là 05, tương đương 85% tổng thời lượng chương trình. Thời lượng còn lại bố trí cho hoạt động ôn tập, kiểm tra hoặc kết hợp trải nghiệm.

- Đối với học sinh chọn các chuyên đề học tập môn Mĩ thuật: Mỗi chuyên đề học tập bố trí từ 10 đến 15 tiết.

2. Vận dụng chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh

– Các trường có thể vận dụng, phát triển chương trình môn Mĩ thuật sao cho phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, địa phương, từng trường và từng đối tượng học sinh trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình.

– Đối với giai đoạn giáo dục cơ bản, các trường có thể xây dựng thời khoá biểu luân phiên giữa các khối, lớp để thuận lợi trong tổ chức hoạt động dạy học theo chủ đề (ví dụ: tối thiểu 2 tiết học liên tục/buổi học/lớp).

– Đối với giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, chương trình của mỗi lớp 10, 11, 12 gồm 4 học phần, trong đó học sinh được chọn 3 học phần để học tập theo sở thích, nhu cầu và định hướng ngành nghề. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường để có những hướng dẫn cụ thể cho học sinh, để họ có sự lựa chọn một cách phù hợp; các trường có thể xây dựng thời khoá biểu luân phiên giữa các khối, lớp để thuận lợi trong tổ chức hoạt động dạy học theo các học phần và phù hợp với đặc thù của môn học (ví dụ: tối thiểu 2 tiết học liên tục/buổi học/lớp).

3. Điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu đảm bảo thực hiện chương trình

– Về phòng học: Nên có phòng dành riêng cho hoạt động mỹ thuật. Đặc biệt, ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, phòng học riêng biệt là một trong những điều kiện cần thiết để đáp ứng được mục tiêu của chương trình đặt ra, cũng như phù hợp với hoạt động học tập đặc thù của môn học. Vị trí phòng học mỹ thuật cần bố trí tương đối độc lập với các phòng học khác trong khuôn viên nhà trường (trong khi chưa có điều kiện xây dựng phòng học mới), nhằm tránh gây sự ồn ào làm ảnh hưởng đến lớp/phòng học bên cạnh; đồng thời tạo ra sự thoải mái, hứng thú cho học sinh khi họ tham gia học tập, khám phá và sáng tạo. Mặt khác, có phòng học riêng biệt là cách để giúp học sinh bảo quản được sản phẩm sáng tạo có tính nối tiếp giữa các bài/các tiết học theo mạch chủ đề, theo nội dung học phần và chuyên đề học tập; cũng như bảo đảm lưu giữ được các đồ dùng, dụng cụ... thực hành của cá nhân, của lớp/nhóm.

Trong phòng học mỹ thuật cần có: Bàn ghế học sinh phù hợp với việc di chuyển ở các vị trí khác nhau trong không gian lớp học; Bảng vẽ cá nhân; Bảng từ để trưng bày sản phẩm mỹ thuật; Bục đặt mẫu vẽ, kích thước bục có thể thay đổi chiều cao và chiều rộng khi cần thiết; Giá vẽ, kích thước có thể điều chỉnh để phù hợp với chiều cao của học sinh khi sử dụng; Tủ/giá để lưu giữ sản phẩm thực hành, sáng tạo của học sinh cũng như lưu giữ các dụng cụ, công cụ học tập khác; Một số phương tiện kỹ thuật như máy tính, đèn chiếu (overhead), máy chiếu (projector), âm ly, máy tính kết nối Internet,...

– Định hướng đồ dùng dạy học: Mẫu vẽ (khối cơ bản, tượng chân dung phật mảng, tượng người bán thân và các theo nội dung thể hiện ở sách giáo khoa); Video clip hình ảnh tư liệu mỹ thuật, đất nặn.

4. Một số thuật ngữ, khái niệm chủ yếu dùng trong văn bản chương trình

Thuật ngữ	Giải thích
Chấm	Một đơn vị điểm được tạo ra bởi dụng cụ vẽ, nặn trên mặt phẳng hai chiều hoặc trong không gian ba chiều.
Chất cảm	Cảm giác cấu trúc bề mặt của chất liệu tạo hình, ví dụ: sự mềm, mịn, thô ráp, gập ghềnh,...
Chiều sâu	Khoảng cách giữa tiền cảnh, trung cảnh và hậu cảnh theo phép thấu thị phương Tây.
Điểm nhấn	Một trong những nội dung nguyên lí tạo hình nhấn mạnh một yếu tố hoặc phần của sản phẩm nghệ thuật tạo sự thu hút chú ý của người xem hoặc mang lại tầm quan trọng.
Đối xứng	Là sự tương ứng về kích thước, hình dáng và vị trí của các bộ phận trên các mặt đối lập thông qua một điểm, đường hoặc mặt phẳng. Thường là các hình khối được sắp xếp có tính tương tự, đối ứng, hoặc tương xứng.
Đường viền	Là nét mô tả cạnh ngoài, ranh giới của một hình dạng hoặc khối phân biệt với xung quanh.
Hài hoà	Là sự tổ chức, sắp xếp, ứng dụng hợp lí, trật tự, đồng thuận, phù hợp và có quan hệ tương tác tốt.
Hình	Là sự nhận dạng khác biệt về một vật thể, khối bằng đường nét chu vi trên một bề mặt của một thực thể.
Khối	Là biểu hiện bên ngoài của một vùng trong không gian ba chiều được xác định với chiều sâu không gian.
Không gian	Là một khoảng ba chiều có giới hạn hoặc mở rộng không giới hạn, trong đó chứa đựng mọi vật thể, yếu tố và tất cả các hoạt động tương tác giữa chúng.
Mĩ thuật tạo hình	Là loại hình thuộc lĩnh vực nghệ thuật thị giác, chú trọng đề cao tính sáng tạo các hình thể, quan niệm về khối mang tính mới trong nghệ thuật.

Thuật ngữ	Giải thích
Mỹ thuật ứng dụng	Là loại hình thuộc lĩnh vực nghệ thuật thị giác, chú trọng đến công năng và tính ứng dụng trong đời sống kinh tế, xã hội.
Nét	Là đường hoặc dấu, dài so với tỉ lệ chiều rộng của nó, được tạo ra bằng bút hoặc công cụ viết, vẽ, nặn,... trên bề mặt hoặc không gian.
Nghệ thuật tạo hình	Lĩnh vực nghệ thuật, trong đó các hình thể được sáng tạo dưới dạng hoặc mang tính chất không gian ba chiều như tranh vẽ, điêu khắc, kiến trúc,...
Nghệ thuật thị giác	Nghệ thuật sáng tạo chủ yếu dành cho nhận thức thị giác, như mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng.
Nền	Phần xuất hiện phía sau của một tác phẩm nghệ thuật, xa nhất với người xem và gần nhất với đường chân trời.
Vật liệu, công cụ học tập	Bút chì, hộp màu, giấy màu và các đồ dùng sưu tầm, tái sử dụng (giấy báo, bìa hộp, vỏ hộp giấy, lon nước, chai nhựa, vải vụn, sợi dây len, nilon, sợi đay, cọng rơm, lá cây,...).
Phê bình	Là một thể loại nghệ thuật hoặc một hoạt động phân tích, đánh giá hoặc thẩm định chất lượng tác phẩm văn học, nghệ thuật, biểu diễn âm nhạc, triển lãm nghệ thuật, sản xuất kịch,...
Tác phẩm, sản phẩm	Là những bài vẽ, bức tranh, hình thể/vật thể,... được tạo ra trong quá trình học tập/sáng tạo của học sinh/thiếu nhi; là tác phẩm hội họa, điêu khắc, thiết kế, thủ công và các công trình mỹ thuật của họa sĩ, nghệ nhân.
Thảo luận mỹ thuật	Là hoạt động phân tích, trao đổi, đánh giá sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật, triển lãm mỹ thuật, hoạt động mỹ thuật.
Trình tự	Là sự tiếp nối, tập hợp của những gì có liên hệ với nhau dưới những hình thức và trong một trật tự nhất định.
Thống nhất	Là kết quả hoàn chỉnh đạt được khi tất cả các yếu tố hài hoà theo các nguyên lí tạo hình của tổ

Thuật ngữ	Giải thích
	chức thị giác trong tác phẩm nghệ thuật.
Thẩm mỹ	Là một phạm trù thuộc triết học đề cập đến bản chất, giá trị của nghệ thuật và hình thức cảm nhận giác quan về cái đẹp.
Tạo hình	Là sự tạo ra hình ảnh ba chiều trên mặt phẳng hoặc quá trình tạo tác các hình khối điêu khắc bằng các vật liệu như đất sét, gỗ, đá, nhựa,...
Thủ công	Là những thao tác tạo hình đòi hỏi kỹ năng làm/tạo tác phẩm, sản phẩm bằng tay mang tính công năng sử dụng trong cuộc sống.
Thiết kế	Một kế hoạch tổ chức hoặc sắp xếp các yếu tố trong một tác phẩm nghệ thuật thị giác. Đây là một sự sắp xếp có trật tự, một kế hoạch hoặc tổ chức các yếu tố của nghệ thuật, hoặc tạo ra một hình thức mới như một biểu hiện của con người.
Ý nghĩa thị giác	Biểu hiện được trình bày bởi hình ảnh chứ không phải bằng lời nói.
Yếu tố tạo hình	Là những ngôn ngữ nghệ thuật cơ bản được sử dụng khi tạo ra các tác phẩm nghệ thuật như chấm, nét, hình, khối, không gian, chất cảm, màu sắc.
2D, 3D	Tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật được tạo ra trên mặt phẳng hai chiều và vị trí trong không gian ba chiều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Quốc hội khoá XIII (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1981/QĐ-TTg phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*, NXB Giáo dục.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông Việt Nam*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Giáo dục và Trẻ em Đan Mạch (2012), *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Kinh nghiệm Quốc tế và vận dụng vào điều kiện Việt Nam*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Mục tiêu, chuẩn kết quả, khung nội dung, định hướng hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập chương trình các môn học Mỹ thuật, Âm nhạc ở Tiểu học, THCS và THPT*. Mã số: 05.

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. Australian Curriculum, Assessment and Reporting Authority (2011), *Shape of the Australian Curriculum: The Arts* 5. Murdoch University (2016), *Teaching the Arts*, from Australian Curriculum: The Arts.
2. Board of Studies NSW (2006). *The Creative Arts K–6 Syllabus*, State of New South Wales.
3. California State Board of Education (2001), *Visual and Performing Arts Content Standards for California Public Schools Prekindergarten Through Grade Twelve: Dance – Music – Theatre – Visual Arts*, Sacramento, USA.
4. Department for Children, Education, Lifelong Learning and Skills (2008), *Art and design in the National Curriculum*

for Wales, Welsh Assembly Government.

5. Department for Education (2013), *Art and design programmes of study: key stages 1 and 2*, National curriculum in England.
6. Department for Education (2013), *Art and design programmes of study: key stages 3*, National curriculum in England.
7. Department of Education (2013), *K to 12 Curriculum Guide ART*, Republic of the Philippines.
8. Government of Ireland (1999), *Primary School Curriculum – Visual Arts – Arts Education*, The Stationery Office, Dublin.
9. Government of Ireland (1999), *Primary School Curriculum – Visual Arts – Arts Education – Teacher Guidelines*, The Stationery Office, Dublin.
10. National Council of Educational Research and Training Sri Aurobindo Marg (2008), *Syllabus of Arts Education 2008*, New Delhi – 110016.
11. New Brunswick Department of Education and Early Childhood Development Educational Services Division (2012), *Visual Arts Education, Grade 3 Curriculum*, Canada.
12. Parsad, B., and Spiegelman, M. (2012). *Arts Education in Public Elementary and Secondary Schools: 1999–2000 and 2009–10* (NCES 2012–014). National Center for Education Statistics, Institute of Education Sciences, U.S. Department of Education. Washington, DC.
13. Student Development Curriculum Division (2008), *Art Teaching and Learning Syllabus – Primary & Lower Secondary*, Ministry of Education, Singapore.